

Số: **476/2020/QĐST-HNGĐ**

TH, ngày 21 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 361/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Lê Thị B, sinh năm 1977

Nơi ĐKNKTT: Tổ 01 (tổ 1A cũ), phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Chỗ ở: Phòng X Chung cư TNG M, phường P, thành phố TH, tỉnh TH.

* Bị đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1978

Nơi ĐKNKTT: Tổ 01 (tổ 1A cũ), phường T, thành phố TH, tỉnh TH.

Chỗ ở: Phòng X Chung cư TNG M, phường P, thành phố TH, tỉnh TH.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Lê Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Lê Đình T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Đức A, sinh ngày 09/02/2009, anh Lê Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Trà M, sinh ngày 12/11/2002 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị B, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay: Chị B và anh T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Lê Thị B tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003050 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH. Hoàn trả cho chị B số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- THA dân sự thành phố TH;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thanh Trúc